

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chi tiết việc thực hiện một số nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được giao tại Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương đối với quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.
- Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản lý, đầu tư, xây dựng và phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 3. Quy định thực hiện một số nội dung về quản lý, phát triển cụm công nghiệp

- Đối với khoản 1 Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Cụm công nghiệp là nơi sản xuất công nghiệp, thực hiện các dịch vụ phục vụ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, không có dân cư sinh sống; được đầu tư xây dựng chủ yếu nhằm thu hút, di dời doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất, kinh doanh.

Cụm công nghiệp có quy mô diện tích không vượt quá 75 ha và không dưới 10 ha. Đối với cụm công nghiệp tại các xã miền núi, vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và cụm công nghiệp làng nghề thì quy mô diện tích từ 05 ha đến 75 ha.

2. Đối với điểm c khoản 2 Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Dự báo các yếu tố tác động đến phát triển cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch; dự báo nhu cầu mặt bằng của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp, khả năng quỹ đất phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn xã, phường (sau đây gọi là cấp xã), tỉnh; dự báo nhu cầu lao động làm việc trong cụm công nghiệp trong thời kỳ quy hoạch.

3. Đối với điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Có sự điều chỉnh quỹ đất dành cho phát triển cụm công nghiệp phải đáp ứng nhu cầu thuê đất để đầu tư sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân; phù hợp với hiệu quả đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khả năng cho thuê đất của các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã.

4. Đối với điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Cụm công nghiệp đề nghị thành lập phải đáp ứng các điều kiện sau: Có trong Danh mục cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp cụm công nghiệp đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh thì quy hoạch tỉnh đó là căn cứ để xem xét sự phù hợp của cụm công nghiệp; có quỹ đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp cấp xã chưa lập quy hoạch sử dụng đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

5. Đối với điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Trường hợp trên địa bàn cấp xã đã thành lập cụm công nghiệp thì tỷ lệ lấp đầy trung bình của các cụm công nghiệp phải đạt trên 50% hoặc tổng diện tích đất công nghiệp chưa cho thuê không vượt quá 100 ha.

Đối với cụm công nghiệp nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì tỷ lệ lấp đầy hoặc diện tích đất công nghiệp chưa cho thuê được xác định đối với phần diện tích đất công nghiệp thuộc từng đơn vị hành chính cấp xã theo quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

6. Đối với điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Việc mở rộng cụm công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: Tổng diện tích cụm công nghiệp sau khi mở rộng không vượt quá 75 ha; có quỹ đất phù hợp với quy

hoạch sử dụng đất cấp xã; trường hợp cấp xã chưa lập quy hoạch sử dụng đất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

7. Đối với điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Tờ trình đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp xã lập.

Trường hợp cụm công nghiệp nằm trên địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp xã có phần diện tích cụm công nghiệp lớn nhất chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan lập tờ trình; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện theo quy định.

8. Đối với khoản 4 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được 01 bộ hồ sơ đề nghị thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp kèm theo báo cáo thẩm định của Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp theo quy định. Quyết định thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp được gửi Bộ Công Thương 01 bản.

Trường hợp cụm công nghiệp có điều chỉnh tên gọi; thay đổi vị trí trong địa giới hành chính cấp xã; diện tích tăng không quá 05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp xã cùng các quy hoạch khác có liên quan thì Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh trong Quyết định thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp; đồng thời cập nhật nội dung điều chỉnh để báo cáo cấp có thẩm quyền tại kỳ lập, phê duyệt quy hoạch tiếp theo.

9. Đối với khoản 3 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP như sau:

Căn cứ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Quyết định thành lập đối với các cụm công nghiệp do Nhà nước đầu tư, quản lý; giao một trong các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này tiếp nhận, kế thừa việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; thực hiện quản lý các dịch vụ công, tiện ích và quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như khoản 3, Điều 4;
- Bộ Công Thương;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Phó chánh VPUBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh (đăng Công báo);
- Cơ sở Dữ liệu văn bản QPPL tỉnh (đăng tải);
- HĐND các xã, phường;
- Lưu: VT, KTN.

HL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Tuấn